

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HSPT

Ngày: 14/6/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thành

Các thẩm phán: - Ông Ngô Văn Minh

- Ông Huỳnh Nguyên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Trúc Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2021/TLPT-HS ngày 07/5/2021 đối với bị cáo Lê Văn N, do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn N đối với bản án số: 05/2021/HS-ST ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ia, tỉnh Kon Tum.

Bị cáo kháng cáo: Lê Văn N, Sinh năm 1975 tại Hà Tĩnh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã I, huyện Ia, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 09/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Q tịch: Việt Nam. Có cha là ông Lê Hữu N1, sinh năm 1942 và mẹ là Lê Thị Y, sinh năm 1949 (đều đã chết). Có vợ là Trần Thị M, sinh năm 1976, có 02 con, con lớn sinh năm 2002 và con nhỏ sinh năm 2004, đều trú tại Thôn 3, xã I, huyện Ia, tỉnh Gia Lai. Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam các khoảng thời gian như sau: từ ngày 30/7/2018 đến ngày 28/8/2018 và từ ngày 30/6/2020 đến ngày 26/8/2020. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Các bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị: Trương Xuân P, Trần Hữu Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/05/2018, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Ia H'Drai được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Ia giao bảo quản vật

chứng gồm: 01 xe máy cày, 02 rơ mooc và toàn bộ số gỗ tang vật; là vật chứng trong vụ án *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* xảy ra tại Tiểu khu 749, 739 và 744, thuộc lâm phần do Công ty quản lý. Sau đó công ty đã lập kế hoạch phân công cho nhân viên để trông coi, quản lý bảo vệ tang vật và hiện trường vụ án. Quá trình trông coi tang vật vụ án, vì địa hình hiểm trở, thời tiết không thuận lợi, sợ bị mất mát, hư hỏng nên Công ty đã xin ý kiến cấp có thẩm quyền và có chủ trương di chuyển xe máy cày và rơ mooc là tang vật về Tổ liên ngành tại Thôn 9, xã Ia T, huyện Ia để quản lý, bảo quản được thuận lợi. Trương Xuân P được Công ty chỉ đạo tìm người về sửa xe máy cày rồi phối hợp với cơ quan chức năng để di chuyển tang vật về nơi cần bảo quản.

Ngày 14/6/2018, Trương Xuân P đã liên lạc và nhờ Lê Văn N trú tại Thôn 3 xã Ia Krái, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai đi vào sửa xe máy cày và kéo tang vật về; sau khi xem xét N thấy không thể tự mình sửa và di chuyển xe về được vì vậy N đã điện thoại cho Hồ Quang S, sinh năm 1967 và biết được có anh Trần Hữu N2 có xe máy cày giống như vậy, sau khi hỏi thì N2 cho biết có thể sửa được xe. Đến ngày 14/6/2018, N2 điện cho em trai là Trần Hữu Quốc, sinh ngày 28/5/1995 và H (không rõ tên tuổi, địa chỉ) – đều làm thuê cho N2 để cùng N2 đi qua Thôn 9, xã Ia Tơi, huyện Ia với mục đích lên xem xe. Sau khi Q và H lên xem xét và gọi về xác nhận sẽ sửa được xe với Nam, N2 biết được xe máy cày tang vật hiện tại có giá trị hơn. Thông qua N, P đã đi đến quán cà phê Thanh Hà tại Thôn 3, xã Ia Krái, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai để gặp Nam, tại đây qua sự giới thiệu của N, P đã biết N2 chính là người muốn đổi máy cày tang vật, còn N2 đã biết P là người có nhiệm vụ, quyền hạn và là người N2 cần gặp để trao đổi. Sau khi trao đổi qua lại P thống nhất sẽ về bàn bạc với anh em rồi báo lại sau, N2 đã nhét vào túi quần P một phong bì có số tiền là 2.000.000 đồng. Sau khi về, P đã điện thoại cho N và nói rằng *"bảo thằng N2 sau khi xong việc thì đưa thêm 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng để P bồi dưỡng cho mấy anh em trong tổ công tác"*; nghe vậy N liền điện thoại cho N2 nói lại nội dung trên thì được N2 đồng ý và N đã điện lại để thông báo cho P biết.

Khoảng 16 giờ ngày 17/6/2018, N2 cùng Q và H (Q và H là người làm thuê cho N2) lên địa điểm xe tang vật để sửa xe, sau khi sửa xong N2 báo cho P đồng thời cũng báo là xe dùng để đổi cũng đang trên đường đến; cùng lúc P chạy xe máy ra đón N2 ở Thôn 9, xã Ia T, huyện Ia. Xe tang vật được N2 bảo với Q và H chạy ra khỏi hiện trường đi về phía Gia Lai theo hướng đường sông và dặn Q và H cứ ra sẽ có phà đón sau đó thì để xe ở khu vực bãi đất trống ở 705, xã Ia Krái, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai; xe của N2 (xe dùng để đổi) được N2 chạy từ khu vực 705, địa phận xã Ia Krái đến khu vực thôn 9, xã Ia Tơi, huyện Ia để tiến hành trao đổi, quá trình đi thì bị hỏng nên N2 liên hệ Thạch ra sửa và cả hai cùng lái về địa điểm cất xe. Khi đi đến chốt liên Ngành thuộc xã Ia T thì bị cán bộ A M chặn lại và không cho vào tổ công tác vì không phải là xe tang vật của vụ án; N2 liên hệ Q không được nên bảo Thạch quay xe lại và cùng với đó đi tìm Q để lấy lại xe tang vật chạy về trả. Đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 17/6/2018, P đã điện thoại cho anh Tống Tấn L - là Phó Giám đốc Công ty, báo cáo sự việc và nhờ giúp đỡ truy tìm tang vật vụ án. Đến khoảng 06 giờ ngày 18/6/2018 thì phát hiện xe máy cày và rơ mooc tại bãi đất trống

thuộc khu vực 705, xã I, huyện Ia, Tỉnh Gia Lai. Sau đó Cơ quan Công an đã yêu cầu P và N2 về trụ sở làm việc.

Với nội dung trên tại bản án hình sự số: 05/2021/HS-ST ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ia, tỉnh Kon Tum đã quyết định xử phạt bị cáo Lê Văn N như sau:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn N** phạm tội “*môi giới hối lộ*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 365 BLHS; điểm s, x, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 18 (*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Trương Xuân P 7 năm tù và Trần Hữu N2 2 năm tù về các tội nhận hối lộ và đưa hối lộ; tuyên án phí, quyền kháng cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/4/2021 bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên kháng cáo; xét kháng cáo của bị cáo thấy đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên được hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 14/6/2018, sau khi được Trương Xuân P liên lạc nhờ đi vào sửa xe máy cày tang vật để kéo về, qua nhiều lần liên hệ Lê Văn N biết được Trần Hữu N2 có khả năng sửa xe máy cày. Tuy N không phải là người có chức vụ, quyền hạn trong việc bảo quản xe tang vật nhưng bị cáo N2 đã gợi ý về việc trao đổi xe N đã đứng ra làm trung gian, môi giới để P và N2 gặp, trao đổi với nhau và thỏa thuận về việc đưa và nhận hối lộ để thực hiện việc đổi xe. Với hành vi trên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HSST ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ia, tỉnh Kon Tum áp dụng khoản 1 Điều 365 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 tuyên bố bị cáo phạm tội môi giới hối lộ là phù hợp.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù N không nhận lợi ích gì từ hành vi đưa và nhận hối lộ của N2 và Phương, tuy nhiên N đã có hành vi gợi ý cho N2 về việc đổi xe, cùng với đó trong quá trình trao đổi giữa N2 và Phương, N là người trung gian liên hệ thỏa thuận về số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*); hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với chính quyền các cấp, gây nên sự tác động tiêu cực đến

lòng tin của người dân,.

Quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng là phù hợp với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST Ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ia, tỉnh Kon Tum

[4].Về án phí: Bị cáo Lê Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn N – giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST Ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ia, tỉnh Kon Tum.

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 365 BLHS; điểm s, x, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 18 (*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 30/7/2018 đến ngày 28/8/2018 và từ ngày 30/6/2020 đến ngày 26/8/2020.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (14/6/2021)./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Tòa án huyện Ia.Hdrai.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Thành